

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/DS-ST
Ngày 13-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Nhân
2. Ông Nguyễn Phú Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ:
Bà Trần Thị Xuân Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2023/TLST-DS ngày 16/5/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 343/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1968; địa chỉ: Số B đường số H, Khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Duy N**, sinh năm 1979; địa chỉ: Số B, đường B, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số B đường số H, Khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Ngọc V; ngụ địa chỉ: Số A, khu V, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Tất cả đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn T trình bày và yêu cầu:

Ông Nguyễn Duy N là cháu của vợ của ông. Vào năm 2020 ông N có hỏi mượn tiền của ông hai lần. Lần đầu là 650.000.000 đồng, sau đó mượn thêm 50.000.000 đồng, tổng cộng 700.000.000 đồng. Ông N tự viết biên nhận mượn tiền và đưa cho vợ chồng ông giữ vào ngày 20/3/2023, lãi suất ghi trong biên nhận cũng là do ông N tự viết. Quá trình vay, ông N chỉ trả cho ông được 65.000.000 đồng tiền lãi. Vì là chỗ con cháu nên ông mới cho mượn chứ vợ chồng ông không phải là người chuyên cho vay tiền. Nguồn tiền ông cho ông N mượn là do Công ty H bồi thường. Vợ chồng ông dự định để số tiền này để xây dựng nhà ở, tuy nhiên, ông N cần tiền hỏi mượn và hứa khi nào ông xây nhà thì trả lại. Đến khi ông xây nhà có yêu cầu ông N trả nhưng ông hứa hẹn không thực hiện nên vợ chồng phải đi vay tiền của người khác và trả lãi hàng tháng. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Duy N trả cho ông số tiền 700.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tạm tính từ ngày 20/5/2020 đến 10/10/2022, tính lãi suất 1.67%/tháng. Không yêu cầu tính lãi kể từ ngày 11/10/2022 cho đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Duy N trình bày: Số tiền 700.000.000 đồng trong biên nhận mượn tiền ngày 20/3/2023 là ông T đã cộng dồn tiền lãi vào tiền gốc. Ông vay tiền của ông T nhiều lần từ năm 2019 đến nay khoảng 500.000.000 đồng chứ không phải năm 2020 mới bắt đầu vay. Quá trình vay ông đã trả cho ông T tiền lãi nhiều lần khoảng 145.000.000 đồng. Trong đó, ông có nhờ ông Nguyễn Ngọc V (em rể ông và là cháu của vợ ông T trả số tiền 65.000.000 đồng). Mục đích ông vay tiền là để bổ sung vốn để kinh doanh, tuy nhiên, do thời điểm dịch bệnh vật tư lên giá nên khi làm xong công trình ông không thể thu hồi đủ vốn dẫn đến không đủ tiền trả cho ông T. Do hoàn cảnh khó khăn nên ông xin được trả tiền gốc và miễn tiền lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L thống nhất trình bày yêu cầu của ông T. Không đồng ý trình bày của ông N.

Người làm chứng Nguyễn Ngọc V cho rằng: Ông là em rể của ông N. Vào năm 2021 ông có biết ông Nguyễn Duy N đã trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 65.000.000 đồng. Trong đó, có 02 lần chuyển khoản thông qua tài khoản của ông tổng cộng 25.000.000 đồng (lần 10.000.000 đồng và lần 15.000.000 đồng). Số tiền 40.000.000 đồng còn lại ông có chứng kiến ông N đưa tiền mặt trực tiếp cho cô ruột là Nguyễn Thị L. Do bà L không có sổ tài khoản nên ông N mới nhờ chuyển khoản cho ông để ông rút tiền mặt ra đưa cho bà L. Ngoài ra, ông không còn biết thông tin gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đòi bị đơn số tiền 700.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tạm tính từ ngày 20/5/2020 đến 10/10/2022, theo lãi suất 1.67%/tháng. Không yêu cầu tính lãi kể từ ngày 11/10/2022 cho đến khi kết thúc vụ án. Đồng ý cản trừ số tiền lãi ông đã nhận 65.000.000 đồng vào số tiền ông N phải trả. Ông Nguyễn Văn N1 cho rằng, từ năm 2019 đến năm 2020 ông mượn tiền của ông T rất nhiều lần và cộng dồn lại, ông đã trả một phần lãi và còn nợ lại một phần. Đến ngày 20/3/2020 ông T đã cộng dồn tiền lãi đã nợ trước

đó vào số tiền gốc và số tiền 50.000.000 đồng ông mượn thêm mới ra con số 700.000.000 đồng. Nay ông chỉ đồng ý trả số tiền 700.000.000 đồng cho ông T trong thời gian 05 năm và xin miễn lãi vì hiện tại ông không có khả năng trả tiền một lần cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay là đúng theo quy định. Tòa án xét xử đúng quan hệ tranh chấp, thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử, nguyên tắc xét xử và các đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền theo hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại số B, đường B, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Các bên đương sự đều thừa nhận Biên nhận mượn tiền ngày 20/3/2020 là do ông Nguyễn Văn N1 viết. Trong biên nhận này có ghi số tiền ông N1 vay của ông T là 700.000.000 đồng, trong đó có hai đợt nhận tiền: Đợt đầu là 650.000.000 đồng và đợt sau là 50.000.000 đồng. Việc bị đơn cho rằng số tiền 700.000.000 đồng là tiền gốc cộng dồn tiền lãi và biên nhận vay từng lần do nguyên đơn giữ nhưng nguyên đơn xác nhận chỉ có biên nhận ngày 20/3/2020 mà không thừa nhận có biên nhận nào khác. Tại phiên tòa bị đơn cho rằng, ông tự nguyện ký tên vào biên nhận ngày 20/3/2020 mà không có ai ép buộc nên trình bày của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với số tiền lãi thỏa thuận trong biên nhận ngày 20/3/2020 ghi 10%/tháng là vượt quá mức lãi suất quy định, tuy nhiên, bị đơn chưa trả hết tiền lãi và tiền gốc cho nguyên đơn. Đồng thời, khi khởi kiện nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo lãi suất 20%/năm là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Đồng thời, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi đối với bị đơn kể từ ngày 20/5/2020 đến 10/10/2022 và đồng ý cản trừ số tiền lãi đã nhận 65.000.000 đồng vào nghĩa vụ bị đơn phải trả là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Việc bị đơn cho rằng năm 2020 đã trả cho nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng bằng hình thức

trực tiếp và chuyển qua tài khoản thông qua tài khoản của ông Nguyễn Ngọc V nhưng không có gì chứng minh. Trong khi ông V không thừa nhận có nhận tiền trả giúp ông N1 vào năm 2020 nên không có căn cứ chấp nhận trình bày của bị đơn.

[2.3] Theo đó, số tiền vay và tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn như sau:

- Tiền gốc 700.000.000 đồng.
- Tiền lãi từ ngày 20/5/2020 đến 10/10/2022 là 335.113.333 đồng.

Trừ số tiền 65.000.000 đồng, còn lại 270.113.333 đồng tiền lãi, tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền: 970.113.333 đồng.

[3] Án phí: Do bị đơn không cung cấp được văn bản xác nhận hoàn cảnh kinh tế khó khăn của cơ quan có thẩm quyền nên không được giảm án phí. Bị đơn phải chịu số tiền 41.103.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, Điều 91, Điều 92, Điều 235, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T. Buộc Nguyễn Duy N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 970.113.333 đồng; (trong đó, nợ gốc 700.000.000 đồng; nợ lãi 270.113.333 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả thì còn phải chịu tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất 1,67%/tháng tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyễn Duy N phải chịu số tiền 41.103.400 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp số tiền 0002193 ngày 11/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.Cần Thơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- VKS ND Q.Bình Thủy;
- Chi cục THADS Q.Bình Thủy;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thúy Quyên